

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT LONG**

*Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13 - 13
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005757 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006, Giấy phép hoạt động quản lý quỹ số 10/UBCK-GPHĐQLQ ngày 22 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh quản lý quỹ số 11/UBCK-GPĐCQLQ ngày 19 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 40.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ lầu 2, toà nhà Somerset Chancellor Court, số 21 - 23 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 19.545.825 VND; Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là (4.030.340.764) VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là (10.916.144.638) VND; Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là (10.935.690.463) VND.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Việt Long được quản lý bởi công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long chấm dứt hoạt động ngày 14/09/2012 theo giấy phép hoạt động kinh doanh và Nghị quyết của HĐQT số 0112/NQ - ĐHTV - VLF ngày 20/4/2012.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Phạm Hữu Phú	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Quang Thông	Phó Chủ tịch
Ông :	Ngô Đình Chính	Thành viên
Ông :	Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên
Ông :	Nguyễn Xuân Thi	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông :	Nguyễn Thúc Vinh	Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Miên Tiên	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Bà :	Đặng Thị Lan Hương	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà :	Lương Thị Thảo	Thành viên BKS

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ kế toán được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

Tp.HCM, ngày 04 tháng 12 năm 2013

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Hữu Phú

Tp.HCM, ngày 04 tháng 05 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám Đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thúc Vinh



Số: 62.../BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính năm 2012
của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long

Kính gửi:

- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long được lập ngày 10 tháng 01 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 6 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết để các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban lãnh đạo Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chế độ kế toán và các chuẩn mực Việt Nam hiện hành cũng như tuân thủ các quy định có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2013

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc

**Đỗ Khắc Thanh**

Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV

Kiểm toán viên

Dương Thị Quỳnh Hoa

Chứng chỉ KTV số: 0424/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	23.235.936.592	22.850.093.618
1. Tiền	111		8.735.936.592	850.093.618
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.500.000.000	22.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.607.972.483	6.663.520.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7.340.261.644	15.055.142.146
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(732.289.161)	(8.391.622.146)
III. Các khoản phải thu	130	V. 2	139.798.290	318.850.913
1. Phải thu khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			87.399.887
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	81.798.290	20.431.026
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	58.000.000	211.020.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.328.875	19.627.503
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.328.875	19.627.503
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.000.000	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 +240 +250 +260)	200		267.988.819	414.451.233
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220	V.6	23.300.925	163.106.673
1. Tài sản cố định hữu hình	221		23.300.925	163.106.673
- Nguyên giá	222		989.623.805	989.623.805
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(966.322.880)	(826.517.132)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		244.687.894	251.344.560
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	2.163.334	8.820.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.5	242.524.560	242.524.560
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		30.277.025.059	30.266.543.267
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		190.581.097	199.645.130
I. Nợ ngắn hạn	310		190.581.097	199.645.130
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312			
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	30.808.157	
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	V.9	27.500.000	27.500.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	13.067.390	16.639.580
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		119.205.550	155.505.550
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327			
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
	350			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)	400		30.086.443.962	30.066.898.137
I. Vốn chủ sở hữu	410		30.086.443.962	30.066.898.137
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		501.294.300	501.294.300
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		501.294.300	501.294.300
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(10.916.144.638)	(10.935.690.463)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		30.277.025.059	30.266.543.267



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
A	B	C	1	2
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001			
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002			
3. Tài sản nhận ký cược	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004			
5. Ngoại tệ các loại	005			
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý	006		6.687.000.000	5.594.340.000
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		6.582.000.000	5.594.340.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008			
6.3. Chứng khoán cầm cố	009			
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010			
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011			
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012			
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013		105.000.000	
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014			
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015			
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020			500.000.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác	030	V.11	42.367.914	227.874.098
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác trong nước	031		42.367.914	227.874.098
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài	032			
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư uỷ thác	040	V.12	77.776.822.900	102.426.822.900
9.1. Nhà đầu tư uỷ thác trong nước	041		77.776.822.900	102.426.822.900
9.2. Nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài	042			
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư uỷ thác	050	V.13	26.798.290	20.431.026
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư uỷ thác	051			

Lập, Ngày 10 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu



Lê Thị Hoàng Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Đoàn



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thúc Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu	01	V.15.1	658.133.118	1.484.431.373
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01- 02)	10		658.133.118	1.484.431.373
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	V.16	201.278	
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10 - 11)	20		657.931.840	1.484.431.373
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.15.2	4.332.343.951	4.043.300.659
7. Chi phí tài chính	22	V.17	1.174.377.683	5.658.191.129
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.796.353.079	3.899.881.667
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		19.545.029	(4.030.340.764)
10. Thu nhập khác	31		796	
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		796	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		19.545.825	(4.030.340.764)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.18	-	
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		19.545.825	(4.030.340.764)

Người lập biểu



Lê Thị Hoàng Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Đoàn

Lập, Ngày 10 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thúc Vinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		6.213.912.741	1.402.918.048
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(1.401.179.531)	(34.961.349)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.794.967.113)	(1.861.355.531)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			(282.246.342)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.186.918.246	12.176.614.451
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20.512.672.553)	(13.025.330.799)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.692.011.790	(1.624.361.522)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(41.267.811.138)	(12.419.080.525)
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		37.374.262.880	15.491.392.840
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.890.794)	(57.635.263.879)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.278.257.236	70.362.890.035
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		316.013.000	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.306.168.816)	15.799.938.471
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		385.842.974	14.175.576.949



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2012	Năm 2011
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.850.093.618	8.674.516.669
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		23.235.936.592	22.850.093.618

Lập, Ngày 10 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Lê Thị Hoàng Lan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy Đoàn

Tổng giám đốc



Nguyễn Thúc Vinh



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm			Số dư cuối năm		
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		40.000.000.000	40.000.000.000					40.000.000.000	40.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần									
Vốn khác của chủ sở hữu									
Cổ phiếu quỹ (*)									
Chênh lệch đánh giá lại tài sản									
Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
Quỹ đầu tư phát triển									
Quỹ dự phòng tài chính		501.294.300	501.294.300					501.294.300	501.294.300
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		501.294.300	501.294.300					501.294.300	501.294.300
Lợi nhuận chưa phân phối		(6.905.349.699)	(10.935.690.463)	4.478.500.481	8.508.841.245	7.788.946.885	7.769.401.060	(10.935.690.463)	(10.916.144.638)
Tổng		34.097.238.901	30.066.898.137	4.478.500.481	8.508.841.245	7.788.946.885	7.769.401.060	30.066.898.137	30.086.443.962

Người lập biểu

Lê Thị Hoàng Lan

Lê Thị Hoàng Lan

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thị Thùy Đoan

Nguyễn Thị Thùy Đoan

Lập: Ngày 10 tháng 01 năm 2013



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005757 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006, Giấy phép hoạt động quản lý quỹ số 10/UBCK-GPHĐQLQ ngày 22 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh quản lý quỹ số 11/UBCK-GPĐCQLQ ngày 19 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 40.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ lầu 2, toà nhà Somerset Chancellor Court, số 21 - 23 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ đầu tư chứng khoán

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật

4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có

5. Tổng số nhân viên: 13 người, trong đó có 05 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề

II. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. 2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty quản lý quỹ ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập báo cáo.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- Chi phí đi dờn văn phòng

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được phân loại là nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2012

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán.**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt (*)	95.772.441	290.344.372
Tiền gửi ngân hàng (**)	8.640.164.151	559.749.246
Tiền gửi ngân hàng VND	8.640.164.151	559.749.246
Tiền gửi ngân hàng BIDV (tự doanh)	19.691.898	43.087.280
Tiền gửi ngân hàng Bản Việt	1.198.797	-
Tiền gửi ngân hàng EXIMBANK - SGD 1	825.554	1.879.856
Tiền gửi ngân hàng EXIMBANK - CN Sài Gòn	8.288.901.276	478.633.191
Tiền gửi ngân hàng Phương Nam - Phòng GD Q. 10	2.032.094	1.964.121
Tiền gửi Công ty chứng khoán Rồng Việt	327.514.532	34.184.798
Tiền đang chuyển		
Tương đương tiền (***)	14.500.000.000	22.000.000.000
Tổng cộng	23.235.936.592	22.850.093.618

Đơn vị tính: VND

(***) Số dư khoản mục tương đương tiền tại ngày 31/12/2012 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, chi tiết như sau:

Đối tượng	Ngày hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất	Số dư VND
Ngân hàng TMCP Bắc Á	30/11/2012	1 tháng	9%	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á	30/11/2012	1 tháng	9%	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á	30/11/2012	1 tháng	9%	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á	30/11/2012	1 tháng	9%	1.500.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á	04/12/2012	1 tháng	8%	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á	04/12/2012	1 tháng	8%	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	28/12/2012	1 tháng	8%	1.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Ngân hàng TMCP Bản Việt	28/12/2012	1 tháng	8%	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	28/12/2012	1 tháng	8%	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	28/12/2012	1 tháng	8%	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	28/12/2012	1 tháng	8%	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	28/12/2013	1 tháng	8%	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	28/12/2014	1 tháng	8%	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	24/12/2014	1 tháng	8%	1.000.000.000
Tổng cộng				14.500.000.000

Ghi chú:

(*) Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2012 khớp với biên bản kiểm kê thực tế

(**) Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2012 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

2.1. Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn

(chỉ tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro)

Cty CP Âu Lạc (MCK: Âu Lạc)	50.000	2.346.000.000
Cty CP SXKD Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (MCK: TIX)	129.020	4.190.368.531
Cty Vận tải biển Việt Nam (MCK: VOS)	30.000	600.600.000
Cty CP Cơ điện lạnh(MCK:REE)	30.000	505.707.000
Cty CP Đệ Tam (MCK: DTA)	9.180	116.785.271
Tổng Cty CPXD Đầu khí Việt Nam (MCK: PVX)	150.000	3.069.186.000
Cty CP Vận tải biển VINASHIP (MCK: VNA)	32.060	715.412.027
Cty CP Khoáng sản Becamex (MCK: BMJ)	27.910	654.601.590
Cty CP Bóng đèn phích nước Rạng Đông (MCK:RAL)	10.000	311.106.507
Cty CP Bé tông Becamex (MCK:ACC)	91.264	2.545.375.220
Ngân hàng TMCP Quân đội (MCK :MBB)	16.700	400.922.483
	105.000	1.537.611.409

31/12/2012
VND

01/01/2012
VND

Số lượng Giá trị

Số lượng Giá trị



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Công ty Cp LICOGI 16 (MCK: LCG)
 Cty CP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (MCK: TDC)
 Tổng Cty CP đầu tư phát triển xây dựng (MCK: DIG)
 Cty Cp Cao su Đà Nẵng (MCK: DRG)
 CTY CP tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành (MCK: TTF)
Tổng cộng:

150.000	1.353.827.701				
250.000	2.326.904.799				
60.500	917.792.252				
16.500	438.657.000				
70.000	364.546.000				
668.700	7.340.261.644				15.055.142.146

559.434

15.055.142.146

2.2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm 2012**Tên chứng khoán**

Ngân hàng TMCP Quân đội (MCK: MBB)
 Công ty Cp LICOGI 16 (MCK: LCG)
 Cty CP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (MCK: TDC)
 Tổng Cty CP đầu tư phát triển xây dựng (MCK: DIG)
 Cty Cp Cao su Đà Nẵng (MCK: DRG)
 Cty CP Bé tông Becamex (MCK: ACC)
 CTY CP tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành (MCK: TTF)

Giá vốn	Giá trị đầu tư	Số lượng	Giá thị trường	Mức trích dự phòng
14.876	1.487.611.409	100.000	12.500	237.611.409
9.026	1.353.827.701	150.000	7.900	168.827.701
9.308	2.326.904.799	250.000	8.700	151.904.799
15.687	862.792.252	55.000	12.800	158.792.252
26.585	438.657.000	16.500	25.700	14.607.000
24.007	400.922.483	16.700	25.700	
5.208	364.546.000	70.000	5.200	546.000
	7.235.261.644	658.200		732.289.161

Tổng cộng

732.289.161

Thông báo giá tại thời điểm ngày 28/12/2012 của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh là căn cứ trích lập dự phòng.

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán		87.399.887
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	26.798.290	20.431.026
Phải thu phí thường hoạt động		
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán		
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	55.000.000	
Tổng cộng	81.798.290	107.830.913

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HÀNG KHÁC

Phải thu tài sản thiếu chờ xử lý
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia
Phải thu người lao động
Phải thu khác
Tổng cộng

31/12/2012
VND

58.000.000
58.000.000

01/01/2012
VND

211.020.000
211.020.000

5. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

1. Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn (Đặt cọc thuê văn phòng)
2. Các khoản tiền nhận ủy thác

3. Phải thu dài hạn khác (Đặt cọc sử dụng thẻ MCC của Công ty Mai linh)

31/12/2012
VND

239.542.560

01/01/2012
VND

239.524.560

3.000.000

3.000.000

Tổng cộng

242.542.560

242.524.560

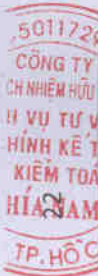


BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

6. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						989.623.805
1. Số dư đầu năm	-	163.963.415	825.660.390	-	-	-
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCN hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giám khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	163.963.415	825.660.390	-	-	989.623.805
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	-	163.963.415	662.553.717	-	-	826.517.132
2. Khấu hao trong năm	-	-	139.805.748	-	-	139.805.748
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong năm	-	-	139.805.748	-	-	139.805.748
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giám khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	163.963.415	802.359.465	-	-	966.322.880
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	163.106.673	-	-	163.106.673
2. Tại ngày cuối năm	-	-	23.300.925	-	-	23.300.925



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;		
- Chi phí trả trước dài hạn khác	2.163.334	8.820.000
Tổng cộng	<u>2.163.334</u>	<u>8.820.000</u>

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
8.1. Thuế phải nộp nhà nước	30.808.157	-
- Thuế GTGT		
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN		
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuế đất	-	-
- Các loại thuế khác	30.808.157	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	30.808.157	-
+ Các loại thuế khác	-	-
8.2. Các khoản phải nộp khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	<u>30.808.157</u>	<u>-</u>

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
- Trích trước chi phí tiền thuế thuê đất		
- Trích trước chi phí kiểm toán	27.500.000	27.500.000
Tổng cộng	<u>27.500.000</u>	<u>27.500.000</u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- BHYT	-	-
- BHXH	-	-
- KPCĐ	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.067.390	16.639.580
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	13.067.390	16.639.580



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

11. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Số dư đầu kỳ	227.874.098	220.452.179
- Số tăng trong kỳ	2.990.327.383	2.869.401.455
+ Cổ tức	2.931.018.650	2.662.826.842
+ Tiền ủy thác tăng thêm	53.600.000	200.684.700
+ Lãi tiền gửi	5.708.733	5.889.913
- Số giảm trong kỳ	3.175.833.567	2.861.979.536
+ Chuyển trả vốn ủy thác	3.007.692.227	2.620.093.079
+ Phí ngân hàng lưu ký	43.263.260	31.082.010
+ Phí Quản lý danh mục	124.878.080	210.804.447
- Số dư cuối kỳ	42.367.914	227.874.098

12. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
12.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	77.776.822.900	102.426.822.900
- Cổ phiếu niêm yết (Chi tiết Cp niêm yết bị giảm giá/rủi ro)		
- Cổ phiếu không niêm yết (Chi tiết Cp không niêm yết bị giảm giá/rủi ro)	77.776.822.900	102.426.822.900
Cty Cp Đầu tư và Phát triển Miền Trung (MCK: CRE)		3.750.000.000
Cty CP XNK Thủy Sản Cần Thơ (MCK: Caseamex)		20.900.000.000
Cty CP Bảo hiểm Bảo Long	30.233.007.600	30.233.007.600
Cty Cp Bất Động Sản Exim (Eximland)	47.543.815.300	47.543.815.300
- Trái phiếu		
12.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
- Cổ phiếu niêm yết		
- Cổ phiếu không niêm yết		
- Trái phiếu		

13. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

26.798.290

20.431.026

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

0501172
 CÔNG TY
 NHÌM HỮU
 VỤ TƯ
 CHÍNH KẾ
 VÀ KIỂM TOÁN
 PHÍA NAM
 TP. HỒ CHÍ MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

15. DOANH THU

Chi tiêu	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
15.1. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ		
- Tổng doanh thu	658.133.118	1.484.431.373
+ Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK và công ty ĐTCK	504.675.329	1.260.219.462
+ Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	153.457.789	
+ Doanh thu từ phí thường hoạt động		
+ Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán		
+ Doanh thu khác		224.211.911
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
+ Chiết khấu thương mại		
+ Giảm giá hàng bán		
+ Hàng bán bị trả lại		
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)		
+ Thuế TTĐB		
+ Thuế xuất khẩu		
15.2. Doanh thu hoạt động tài chính	4.332.343.951	4.043.300.659
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.336.257.236	681.415.034
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	2.498.073.715	469.440.475
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	498.013.000	1.781.080.000
- Lãi bán ngoại tệ		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Lãi bán hàng trả chậm		
- Thu hoàn tiền góp vốn liên doanh		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		1.111.365.150



16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí hoạt động quản lý quỹ ĐTCK và công ty ĐTCK		
- Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán		
- Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán		
- Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác		
- Giá vốn hàng bán		
Tổng cộng	-	-

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Lãi tiền vay		
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	8.763.411.475	635.814.137
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(7.659.332.985)	5.002.012.643
- Chi phí tài chính khác	70.299.193	20.364.349
Tổng cộng	1.174.377.683	5.638.191.129

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Năm 2012
VND

Năm 2011
VND

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay

Tổng cộng

19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Năm 2012
VND

Năm 2011
VND

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại

- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)

- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng (*)

- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả (*)

Tổng cộng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2012

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

20. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

31/12/2012	01/01/2012
VND	VND

a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:

- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu

b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo

- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và khoản tương đương tiền;

- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý

- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ

c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện



VII. Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành: Không

2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: Không

3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:

- Thu nhập: Không phát sinh

- Chi phí: Không phát sinh

- Lãi (lỗ): Không phát sinh

Cộng:

VIII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

Không có các khoản nợ tiềm tàng hoặc các cam kết khác cần phải công bố

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Không có sự kiện trọng yếu sau ngày kết thúc niên độ kế toán

3. Thông tin về các bên liên quan:

Không phát sinh các bên có liên quan

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 " báo cáo bộ phận"

Không phát sinh Báo cáo bộ phận theo CMKT số 28

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2012

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

Trong năm có điều chỉnh số dư đầu kỳ do thay đổi chế độ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính như sau:

	Số trước điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Chỉ tiêu tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư Ủy thác trong nước (Điều chỉnh từ tài khoản 11212 ra chỉ tiêu ngoài bảng tài khoản 021)	227.874.098	-
Cổ phiếu Ủy thác đầu tư trong nước (Từ tài khoản 12112 ra chỉ tiêu ngoài bảng tài khoản 022)	102.426.822.900	-
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đầu kỳ chỉ tiêu tiền thu từ hoạt động kinh doanh khác giảm	(227.874.098)	

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Quý Đầu Tư Tăng Trưởng Việt Long được quản lý bởi công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long chấm dứt hoạt động ngày 14/09/2012 theo giấy phép hoạt động kinh doanh và Nghị quyết của HĐTV số 0112/NQ - ĐHTV - VLF ngày 20/4/2012.

7. Thông tin đối với mỗi loại cổ phiếu:

- Số cổ phiếu được phép phát hành	4.000.000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	4.000.000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	Không	
- Mệnh giá của cổ phiếu hoặc các cổ phiếu không có mệnh giá	10.000 Đ/CP	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Số cổ phiếu của công ty đang lưu hành	4.000.000	
- Các cổ phiếu đang dự trữ để phát hành	Không	

8. Những thông tin khác:

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2012 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 chuyển qua đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại theo Thông tư 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Lập, Ngày 10 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Lê Thị Hoàng Lan

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thị Thủy Đoàn

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thúc Vinh